

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 6 – 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Thông

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Nho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu không tham gia phiên tòa:

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 18, ấp 2, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh H và chị Nguyễn Thị L tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống hạnh phúc vợ chồng kể từ khi chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống nhau từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn với chị L.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 16/5/2003 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 11/6/2008, các cháu N và T hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao các cháu N và T cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/6/2019.

- *Về tài sản chung*: Anh H đã tự thỏa thuận với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Theo tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian không còn sống chung và tình trạng mâu thuẫn như lời trình bày trên của anh H. Nay anh H xin ly hôn, chị L đồng ý ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 16/5/2003 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 11/6/2008. Các cháu hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và đồng ý sự tự nguyện của anh H về mức cấp dưỡng nuôi con cũng như thời gian cấp dưỡng lần đầu như trình bày trên của anh H.

- *Về tài sản chung*: Chị L đã tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; tài sản chung; không hòa giải về tình cảm do anh H và chị L không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị L; về con chung: Anh H đồng ý giao các cháu N và T cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được và thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/6/2019; về tài sản chung: Anh H đã tự thỏa thuận với chị L, không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

Chị L đồng ý ly hôn với anh H; về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu N và T, đồng ý sự tự nguyện về mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi con của anh H như đã nêu trên; về tài sản chung: Chị L đã tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L, chị L có nơi cư trú tổ 02, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh H và chị L thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngoài ra, anh H và chị L thống nhất về con chung và tài sản chung. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là những tình tiết không phải chứng minh.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị L tự tìm hiểu nhau và sống chung nhau như vợ chồng vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:
“*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống*

với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”.*

Anh H và chị L không tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2002, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*: Theo đơn khởi kiện và tự khai của nguyên đơn, tự khai của bị đơn, biên bản hòa giải về con chung, tài sản chung và tại phiên tòa, anh H và chị L đồng thống nhất khai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 16/5/2003 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 11/6/2008.

Anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/6/2019. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung và đồng ý sự tự nguyện của anh H về mức cấp dưỡng nuôi con chung và thời gian cấp dưỡng.

Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/4/2019 của các cháu Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Bảo T; 02 cháu có nguyện vọng được sống chung với chị L (mẹ) đã lo các cháu ăn học, cuộc sống ổn định.

Xét, yêu cầu của anh H và chị L phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị L được nuôi dạy 02 cháu Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Bảo T cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Công nhận sự tự nguyện của anh H về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/6/2019.

Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp

dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị L đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 450.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng. Số còn lại 150.000 đồng, anh Nguyễn Thanh H phải nộp thêm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí. Chị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị L.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L được nuôi dạy 02 (hai) cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 16/5/2003 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 11/6/2008 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu đến khi cháu N và cháu T thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/6/2019.

Chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị L đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Nguyễn Thanh H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, anh H phải chịu 450.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001889 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh Nguyễn Thanh H còn phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX.Tân Châu (2);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm